

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào  
ngày 30 tháng 06 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 47

18/06/2016

CÔNG  
TY  
MTC  
RSM

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

#### CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Mão	Thành viên
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên
Ông Ngô Thanh Quyến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Loan	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

**NGUYỄN THANH NGHĨA**

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016





RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 17.159/BCSXHN-RSM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2013-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016*

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.27 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình  
Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.371.516.652.091</b>	<b>1.550.907.406.154</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>19.996.187.503</b>	<b>44.678.752.480</b>
1. Tiền	111		3.875.990.003	28.978.752.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.120.197.500	15.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>56.467.972.445</b>	<b>70.292.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.467.972.445	70.292.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>148.038.468.218</b>	<b>108.561.596.665</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	127.888.292.210	90.596.276.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	17.768.550.725	18.870.220.768
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	14.548.518.268	11.282.975.566
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(12.318.184.302)	(12.318.184.302)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		151.291.317	130.308.317
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>1.139.155.545.663</b>	<b>1.290.531.150.762</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.142.584.567.061	1.302.484.336.509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.429.021.398)	(11.953.185.747)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.858.478.262</b>	<b>36.843.906.247</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.970.109.052	441.755.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.375.127.809	36.401.448.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	513.241.401	702.286
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>817.645.723.981</b>	<b>861.176.278.225</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>749.690.353.704</b>	<b>783.878.160.087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	738.836.337.754	772.875.591.097
Nguyên giá	222		996.201.851.818	996.004.608.392
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.365.514.064)	(223.129.017.295)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.854.015.950	11.002.568.990
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.968.010.780)	(2.819.457.740)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>22.750.925.756</b>	<b>20.676.055.498</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	22.750.925.756	20.676.055.498
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>68.477.795</b>	<b>68.477.795</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.135.966.726</b>	<b>56.553.584.845</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	43.998.763.483	44.571.107.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	1.137.203.243	11.982.477.306
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.189.162.376.072</b>	<b>2.412.083.684.379</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình  
Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.343.714.050.650</b>	<b>1.661.088.752.389</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.242.920.169.972</b>	<b>1.602.053.870.711</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	270.919.324.562	513.880.505.369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.226.539.694	22.898.392.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.791.807.281	31.798.177.487
4. Phải trả người lao động	314		1.996.893.527	2.624.912.995
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	9.590.889.554	9.244.150.191
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	45.264.467.678	41.796.064.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	896.923.451.507	979.396.421.412
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		206.796.169	415.246.169
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.793.880.678</b>	<b>59.034.881.678</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		5.000.000	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	100.788.880.678	59.029.881.678
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>845.448.325.422</b>	<b>750.994.931.990</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>845.448.325.422</b>	<b>750.994.931.990</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	27.284.479.534
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.474.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.207.686.566	4.716.293.134
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.716.293.134	68.053.616.913
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		94.491.393.432	(63.337.323.779)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.189.162.376.072</b>	<b>2.412.083.684.379</b>

**NGUYỄN THANH NGHĨA**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**LÊ NGỌC KHANG**  
Kế toán trưởng**VÕ THỊ CẨM TÚ**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình  
Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.396.728.837.498	923.863.141.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	242.060.742	1.663.654.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.396.486.776.756	922.199.487.700
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.222.693.862.372	824.943.977.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.792.914.384	97.255.510.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	9.956.494.371	917.389.446
7. Chi phí tài chính	22	6.5	29.918.448.665	43.728.164.340
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.579.614.801</i>	<i>27.830.757.498</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	8.595.138.414	10.848.821.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	22.187.373.437	22.365.547.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123.048.448.239	21.230.367.058
11. Thu nhập khác	31		744.454.728	1.275.151.236
12. Chi phí khác	32	6.8	14.370.603.294	22.357.776.845
13. Lợi nhuận khác	40		(13.626.148.566)	(21.082.625.609)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.422.299.673	147.741.449
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.085.632.178	1.836.304.297
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	10.845.274.063	(997.184.492)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		94.491.393.432	(691.378.356)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		94.491.393.432	(691.378.356)
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		1.575	(12)



**NGUYỄN THANH NGHĨA**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**LÊ NGỌC KHANG**  
Kế toán trưởng

**VÕ THỊ CẨM TÚ**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.422.299.673	147.741.449
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		34.898.829.809	31.342.374.750
Các khoản dự phòng	03		(8.524.164.349)	862.274.813
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(116.632.442)	8.386.253.233
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.681.046.187)	(448.093.563)
Chi phí lãi vay	06		29.579.614.801	27.830.757.498
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>161.578.901.305</b>	<b>68.121.308.180</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.963.089.817)	132.040.052.524
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		157.962.107.535	66.839.863.964
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(280.914.127.975)	(15.832.348.944)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(956.009.695)	2.415.627.571
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.203.399.838)	(28.656.082.166)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(246.450.000)	(2.568.459.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(742.068.485)</b>	<b>222.359.961.379</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(848.231.771)	(2.930.754.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(59.147.000.000)	(56.759.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.971.027.555	3.794.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.621.046.187	448.093.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>16.656.841.971</b>	<b>(55.447.661.353)</b>

(Xem tiếp trang sau)



517  
 NG  
 TH  
 DAN  
 (VI  
 T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.12	1.055.251.370.825	866.882.963.216
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.13	(1.095.965.341.730)	(1.066.530.271.666)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(40.713.970.905)</b>	<b>(199.647.308.450)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(24.799.197.419)</b>	<b>(32.735.008.424)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>44.678.752.480</b>	<b>65.937.093.816</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		116.632.442	47.473.368
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>19.996.187.503</b>	<b>33.249.558.760</b>



**NGUYỄN THANH NGHĨA**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**LÊ NGỌC KHANG**  
Kế toán trưởng

**VÕ THỊ CẨM TÚ**  
Người lập

3-C  
TƯ  
+  
TƯ  
18  
151



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09 – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 06 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.6. dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2016 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
▪ Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
▪ Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Số 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
▪ Chi nhánh Cơ Khí	Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
▪ Chi nhánh Long Mỹ	79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
▪ Chi nhánh Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
▪ Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc	Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, KCN Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
▪ Chi nhánh tại Huyện Bình Chánh	Số 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
▪ Chi nhánh tại Huyện Dĩ An	Số 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 452 (31 tháng 12 năm 2015 là: 462).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Mua bán sắt thép các loại;
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng;
- Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa;
- Mua bán nông sản;
- Mua bán vỏ, ruột xe;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thi công hệ thống điện công trình;
- Thi công hệ thống nước công trình;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đúc sắt, thép;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận, Dịch vụ khai thuế hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị, Cho thuê kho bãi.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm công ty**

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

**1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất**

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.6. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 03 tháng đến 38 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.8. Tài sản cố định hữu hình**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc         | 14 - 20 năm |
| • Máy móc thiết bị               | 05 - 10 năm |
| • Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| • Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 05 năm |
| • Tài sản cố định khác           | 05 năm      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Tài sản cố định vô hình**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm kế toán***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

**4.10. Thuê tài sản**

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.11. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.12. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Trường hợp khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn kể cả khi thời hạn xây dựng dưới 12 tháng.

**4.13. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

**4.14. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3-C  
TY  
TUV  
SAB  
50



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay và chi phí khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

**4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được sát toán trong năm 2012.

**4.17. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu ngân quỹ***

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.18. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư***

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

**4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**4.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.21. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.22. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

0239  
CÔNG  
T  
TỔ  
KSM  
VI.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.23. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.25. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.26. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.27. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và đóng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.079.394.925	1.249.346.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.796.595.078	27.729.405.498
Các khoản tương đương tiền	16.120.197.500	15.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.996.187.503</b>	<b>44.678.752.480</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 15.299.375.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty - Xem thêm mục 5.14.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	56.467.972.445	56.467.972.445	70.292.000.000	70.292.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng với số tiền là 56.467.972.445 VND và được dùng để đảm bảo khoản vay của Nhóm công ty - Xem thêm mục 5.14.

*(Xem tiếp trang sau)*





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	-	94.399.200	68.477.795	-	104.513.400
<b>Cộng</b>	<b>68.477.795</b>	<b>-</b>	<b>94.399.200</b>	<b>68.477.795</b>	<b>-</b>	<b>104.513.400</b>

Nhóm công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Nhóm công ty nắm giữ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL	46.998.079.818	24.336.827.602
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	23.822.000.000	8.005.207.013
Các khách hàng khác	57.068.212.392	58.254.241.701
<b>Cộng</b>	<b>127.888.292.210</b>	<b>90.596.276.316</b>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Tôn thép Thiên Tân	5.013.649.740	-
Các khách hàng khác	12.754.900.985	18.870.220.768
<b>Cộng</b>	<b>17.768.550.725</b>	<b>18.870.220.768</b>

**5.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Tạm ứng	1.629.317.474	-	1.883.490.262	-
Cầm cố, ký quỹ	4.637.024.190	-	1.312.527.857	-
Phải thu khác	7.782.176.604	(1.338.493.156)	7.586.957.447	(1.338.493.156)
<b>Cộng</b>	<b>14.548.518.268</b>	<b>(1.838.493.156)</b>	<b>11.282.975.566</b>	<b>(1.838.493.156)</b>

(Xem tiếp trang sau)

31/7  
 CÔNG  
 TH  
 1/8/16  
 IN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,

Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức Một,

Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	12.536.800.782	2.18.616.480	12.536.800.782	218.616.480

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nhà Máy Tole Thiên Tân	520.467.499	-	520.467.499	-
Cửa Hàng Tân Đạt	147.444.023	44.233.207	147.444.023	44.233.207
Công ty TNHH TM VT Thiên Nam Sang	163.103.642	48.931.093	163.103.642	48.931.093
Công ty TNHH Thép Nam Thành	143.515.673	43.054.702	143.515.673	43.054.702
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	2.896.315.858	-
Các khách hàng khác	8.665.954.087	82.397.478	8.665.954.087	82.397.478
<b>Cộng</b>	<b>12.536.800.782</b>	<b>218.616.480</b>	<b>12.536.800.782</b>	<b>218.616.480</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	29.996.614.299	-	44.449.026.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	212.597.756.052	(365.936.855)	383.119.919.473	(1.078.599.738)
Công cụ, dụng cụ	21.325.340.751	-	17.037.983.085	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.407.235.844	-	824.237.037	-
Thành phẩm	614.636.575.940	(3.063.084.543)	603.847.648.129	(8.231.492.127)
Hàng hóa	250.621.044.175	-	253.205.522.613	(2.643.093.882)
<b>Cộng</b>	<b>1.142.584.567.061</b>	<b>(3.429.021.398)</b>	<b>1.302.484.336.509</b>	<b>(11.953.185.747)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 441.771.281.187 VND. Trong đó, giá trị hàng nhập khẩu là 2.543.009,61 USD với tỷ giá là 22.340 USD/VND, hàng trong nước sản xuất là 384.960.446.500 VND – Xem thêm mục 5.14.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: đã bán hàng tồn kho năm trước lập dự phòng.

**5.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.970.109.052	441.755.301
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	43.997.012.165	44.568.401.933
Các khoản khác	1.751.318	2.705.606
<b>Cộng</b>	<b>43.998.763.483</b>	<b>44.571.107.539</b>

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp, bảo lãnh cho các khoản vay là 43.997.012.165 VND – Xem thêm mục 5.14.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,

Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,

Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

5.9. Táng, giảm tài sản cố định hữu hình Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	
						VND	VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2016	128.822.298.838	835.321.706.059	29.194.401.916	1.354.090.998	1.312.110.581	996.004.608.392	112.068.880
Mua trong kỳ	-	112.068.880	-	-	-	598.954.546	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	598.954.546	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(513.780.000)	-	-	(513.780.000)	-
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>128.822.298.838</b>	<b>836.032.729.485</b>	<b>28.680.621.916</b>	<b>1.354.090.998</b>	<b>1.312.110.581</b>	<b>996.201.851.818</b>	
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2016	21.552.902.110	184.197.469.222	15.698.542.545	951.378.818	728.724.600	223.129.017.295	34.750.276.769
Khấu hao trong kỳ	3.258.581.784	29.816.316.159	1.510.643.864	77.227.062	87.507.900	(513.780.000)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(513.780.000)	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>24.811.483.894</b>	<b>214.013.785.381</b>	<b>16.695.406.409</b>	<b>1.028.605.880</b>	<b>816.232.500</b>	<b>257.365.514.064</b>	
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2016	107.269.396.728	651.124.236.837	13.495.859.371	402.712.180	583.385.981	772.875.591.097	-
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>104.010.814.944</b>	<b>622.018.944.104</b>	<b>11.985.215.507</b>	<b>325.485.118</b>	<b>495.878.081</b>	<b>738.836.337.754</b>	

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 521.192.325.530 VND – Xem thêm mục 5.14;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.081.557.487 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>13.730.727.730</b>	<b>91.299.000</b>	<b>13.822.026.730</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Khấu hao trong kỳ	142.846.854	5.706.186	148.553.040
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>2.882.417.985</b>	<b>85.592.795</b>	<b>2.968.010.780</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>10.848.309.745</b>	<b>5.706.205</b>	<b>10.854.015.950</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 8.415.363.845 VND – Xem thêm mục 5.14.

**5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	6.390.320.107	6.213.573.491
Công trình xây dựng đường tram, hệ thống điện	8.024.540.352	7.542.586.261
Các khoản khác	641.226.527	641.226.527
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.694.838.770	6.278.669.219
<b>Cộng</b>	<b>22.750.925.756</b>	<b>20.676.055.498</b>

(Xem tiếp trang sau)

331  
 Ôn  
 TN  
 Tài  
 VI.  
 11/1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán là bên thứ ba: Ouda Yichang Machinery And Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd Hong Kong Rand International Co., Ltd Sino Commodities International Pte., Ltd Phải trả cho các đối tượng khác	55.773.973.132 42.414.657.808 28.517.957.302 143.959.592.565	55.773.973.132 42.414.657.808 28.517.957.302 143.959.592.565	56.286.358.085 36.074.541.109 -	56.286.358.085 36.074.541.109 -
<b>Cộng</b>	<b>270.666.180.807</b>	<b>270.666.180.807</b>	<b>513.627.361.614</b>	<b>513.627.361.614</b>
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6.15: Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	253.143.755	253.143.755	253.143.755	253.143.755
<b>Cộng</b>	<b>253.143.755</b>	<b>253.143.755</b>	<b>253.143.755</b>	<b>253.143.755</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>270.919.324.562</b>	<b>270.919.324.562</b>	<b>513.880.505.369</b>	<b>513.880.505.369</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Giảm khác	Tại ngày 30/06/2016	
	VND	VND	VND	VND		Phải thu	Phải nộp
<b>5.13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước</b>							
	Tại ngày 01/01/2016						
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	21.763.563.920	21.799.748.312	(43.720.075.438)	-	157.044.516	281.310
Thuế GTGT hàng	240.286	-	40.940.265.431	(41.296.222.030)	-	356.196.885	-
Thuế khẩu	-	8.954.139.228	2.436.482.475	(9.368.115.647)	-	-	2.022.506.056
Thuế xuất, nhập	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh	-	143.627.572	4.085.632.178	-	(103.086.243)	-	4.126.173.507
Thuế thu nhập cá	-	339.539.045	23.632.395	(23.762.218)	(307.190.536)	-	32.218.686
Thuế thu nhập cá	-	-	-	-	-	-	-
nhân	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	462.000	597.307.722	53.093.200	(39.773.200)	(462.000)	-	610.627.722
<b>Cộng</b>	<b>702.286</b>	<b>31.798.177.487</b>	<b>69.338.853.991</b>	<b>(94.447.948.533)</b>	<b>(410.738.779)</b>	<b>513.241.401</b>	<b>6.791.807.281</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	862.787.536.507	862.787.536.507	985.155.371.825	1.011.646.096.730	889.278.261.412	889.278.261.412
Vay dài hạn đến hạn	33.385.915.000	33.385.915.000	5.440.000.000	62.172.245.000	90.118.160.000	90.118.160.000
trả						
Vay ngắn hạn bên liên quan – Xem thêm mục 6.15.	750.000.000	750.000.000	750.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>896.923.451.507</b>	<b>896.923.451.507</b>	<b>991.345.371.825</b>	<b>1.073.818.341.730</b>	<b>979.396.421.412</b>	<b>979.396.421.412</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay với lãi suất 6% đến 8,5%/năm đối với VND và 2,5% đến 4,5% đối với USD nhằm bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1, 5.2, 5.7, 5.9, 5.10, và mục 6.15.

Vay ngắn hạn bên liên quan có thời hạn 01 năm theo hình thức tin chấp, lãi suất 0%.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,

Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,

Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng						
Trên 1 năm đến 5 năm	19.150.000.000	19.150.000.000	6.310.000.000	8.160.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Vay dài hạn các bên liên quan						
Trên 1 năm đến 5 năm	81.638.880.678	81.638.880.678	57.595.999.000	13.987.000.000	38.029.881.678	38.029.881.678
<b>Cộng</b>	<b>100.788.880.678</b>	<b>100.788.880.678</b>	<b>63.905.999.000</b>	<b>22.147.000.000</b>	<b>59.029.881.678</b>	<b>59.029.881.678</b>

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 05 năm với lãi suất 10,5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng 01 lần để thanh toán các chi phí đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị. Khoản vay này được thế chấp bằng TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất thuê của Nhóm công ty – xem thêm mục 5.8, 5.9.

Vay dài hạn các bên có liên quan là các khoản vay của cá nhân thời hạn từ 24 tháng đến 28 tháng theo hình thức tín chấp, lãi suất 0% – Xem thêm mục 6.15.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	878.538.599	531.799.236
Chi phí lãi vay phải cho bên liên quan – Xem thêm mục 6.15.	8.712.350.955	8.712.350.955
<b>Cộng</b>	<b>9.590.889.554</b>	<b>9.244.150.191</b>

**5.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	410.276.779	-
Kinh phí công đoàn	433.941.677	391.977.339
Bảo hiểm xã hội	2.188.773	393.590.971
Bảo hiểm y tế	1.290.743	20.319.098
Bảo hiểm thất nghiệp	187.852	3.747.532
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Phải trả hàng mượn	-	16.491.531.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.731.520.199	5.006.983.143
<b>Cộng</b>	<b>3.732.143.523</b>	<b>22.460.887.518</b>
Các khoản phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 6.15:		
Tiền mượn Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	41.402.477.255	19.205.329.844
Phải trả khác công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	129.846.900	129.846.900
<b>Cộng</b>	<b>41.532.324.155</b>	<b>19.335.176.744</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.264.467.678</b>	<b>41.796.064.262</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>						
Thặng dư vốn cổ phần						
Quỹ đầu tư phát triển						
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu						
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối						
<b>Cộng</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	814.559.860.347
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	(691.378.356)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	(31.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	813.640.877.413
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	(62.645.945.423)
Số dư tại ngày 01/01/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	750.994.931.990
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	94.491.393.432
Chi quỹ	-	-	-	-	(38.000.000)	(38.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2016</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>160.764.683.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.474.121.366</b>	<b>845.448.325.422</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của cổ đông	614.356.040.000	614.356.040.000

**5.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.17.4. Lãi/ (lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	94.491.393.432	(691.378.356)
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.834.741.803	-
Lãi/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	91.656.651.629	(691.378.356)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	58.207.764	58.207.764

**Lãi/(lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu****1.575****(12)****5.17.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	27.284.479.534	2.512.121.366
Chi trong kỳ	-	(38.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.474.121.366</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Tại ngày 30/06/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	11.806,76	12.703,46
EUR	100,26	100,26
	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	1.812.487.702	1.812.487.702

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	545.769.709.586	163.946.711.063
Doanh thu bán thành phẩm	820.594.274.138	759.916.430.850
Doanh thu bán phế liệu	30.364.853.774	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.396.728.837.498</u></b>	<b><u>923.863.141.913</u></b>

**6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chiết khấu thương mại	61.000.100	-
Giảm giá hàng bán	-	1.603.827.586
Hàng bán bị trả lại	181.060.642	59.826.627
<b>Cộng</b>	<b><u>242.060.742</u></b>	<b><u>1.663.654.213</u></b>

**6.3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	468.800.102.658	150.449.367.286
Giá vốn của thành phẩm đã bán	732.442.507.153	673.632.335.379
Giá vốn của phế liệu đã bán	29.975.416.910	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(8.524.164.349)	862.274.648
<b>Cộng</b>	<b><u>1.222.693.862.372</u></b>	<b><u>824.943.977.313</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.621.868.687	448.093.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.770.650.901	469.265.883
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	563.974.783	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	30.044
<b>Cộng</b>	<b>9.956.494.371</b>	<b>917.389.446</b>

**6.5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	29.579.614.801	27.830.757.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	338.833.864	7.511.153.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.386.253.233
<b>Cộng</b>	<b>29.918.448.665</b>	<b>43.728.164.340</b>

**6.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.239.023.060	1.603.850.063
Chi phí vật liệu, bao bì	856.316.770	390.547.308
Chi phí vận chuyển	3.880.066.123	3.780.754.483
Chi phí quảng cáo	654.350.778	60.304.678
Chi phí xăng dầu DO	112.767.580	1.558.352.580
Chi phí bằng tiền khác	1.852.614.103	3.455.012.074
<b>Cộng</b>	<b>8.595.138.414</b>	<b>10.848.821.186</b>

**6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	10.070.915.518	9.817.299.064
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	287.388.762	615.335.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.215.084.616	1.854.544.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.814.024.307	7.116.062.486
Chi phí khác	2.799.960.234	2.962.306.156
<b>Cộng</b>	<b>22.187.373.437</b>	<b>22.365.547.249</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.8. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí phạt, bồi thường	47.898.072	8.683.022.239
Chi phí khấu hao tài sản ngưng hoạt động	12.680.689.207	13.136.074.480
Chi phí phân xưởng ngưng hoạt động	1.506.688.905	481.234.831
Các khoản khác	135.327.110	57.445.295
<b>Cộng</b>	<b>14.370.603.294</b>	<b>22.357.776.845</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	4.085.632.178	1.836.304.297

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm công ty và những biến động trong kỳ được trình bày như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng VND	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(9.262.834.309)	(2.719.642.997)	(11.982.477.306)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	9.014.136.028	1.831.138.035	10.845.274.063
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>(248.698.281)</b>	<b>(888.504.962)</b>	<b>(1.137.203.243)</b>

**6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	622.250.190.354	800.208.995.493
Chi phí nhân công	18.483.312.978	18.990.193.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.040.692.368	18.206.300.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.189.467.835	32.925.493.592
Chi phí khác bằng tiền	13.976.227.878	13.654.425.037
<b>Cộng</b>	<b>726.939.891.413</b>	<b>883.985.407.755</b>

**6.12. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.055.251.370.825	866.882.983.216

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.13. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.095.965.341.730)	(1.066.530.271.666)

**6.14. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại;
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	820.352	758.253	576.134	163.946	-	-	1.396.486	922.199
Giữa các bộ phận	24.301	295.052	136.168	962.467	(160.469)	(1.257.519)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>844.653</b>	<b>1.053.305</b>	<b>712.302</b>	<b>1.126.413</b>	<b>(160.469)</b>	<b>(1.257.519)</b>	<b>1.396.486</b>	<b>922.199</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>								
Kết quả của bộ phận	96.434	79.896	77.359	17.359	-	-	173.793	97.255
Chi phí không phân bổ							(30.782)	(33.214)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							143.011	64.041
Thu nhập tài chính							9.955	917
Chi phí tài chính							(29.918)	(43.728)
Thu nhập khác							744	1.275
Chi phí khác							(14.370)	(22.358)
Lợi nhuận trước thuế							109.422	147
Chi phí thuế TNDN hiện hành							4.086	1.836
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							10.845	(997)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>94.491</b>	<b>(692)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Tài sản của bộ phận	614.636	595.616	250.621	249.484	-	-	865.257	845.100
Tài sản không phân bổ							1.323.905	1.566.984
<b>Tổng tài sản</b>							<b>2.189.162</b>	<b>2.412.084</b>
Nợ phải trả không phân bổ							1.343.714	1.661.089
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>1.343.714</b>	<b>1.661.089</b>
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ							2.031	5.123
Chi phí khấu hao trong kỳ							34.898	31.342

Nhóm Công ty có trụ sở hoạt động tại Bình Dương và có các chi nhánh được đặt tại Đà Nẵng, Bà Rịa, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang. Năm 2016 các chi nhánh có tổng doanh thu phát sinh nhỏ hơn 10%. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.15. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Nhóm công ty có các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa
3. Bà Nguyễn Thị Bích Liên
4. Bà Nguyễn Thanh Dung
5. Bà Nguyễn Thanh Loan

Mối quan hệ

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan  
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Quan hệ ruột thịt với thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị  
Quan hệ ruột thịt với thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12: Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(253.143.755)	(253.143.755)
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.14: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(750.000.000)	-
Vay dài hạn – Xem thêm mục 5.14: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa Bà Nguyễn Thị Bích Liên Bà Nguyễn Thanh Dung Bà Nguyễn Thanh Loan	(44.989.044.154) (34.719.103.274) (866.733.250) (1.064.000.000)	(1.380.045.154) (34.719.103.274) (866.733.250) (1.064.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(81.638.880.678)</b>	<b>(38.029.881.678)</b>
Phải trả lãi vay – Xem thêm mục 5.15: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa Bà Nguyễn Thị Bích Liên Bà Nguyễn Thanh Dung Bà Nguyễn Thanh Loan	(3.386.803.713) (5.208.794.642) (88.287.800) (28.464.800)	(3.386.803.713) (5.208.794.642) (88.287.800) (28.464.800)
<b>Cộng</b>	<b>(8.712.350.955)</b>	<b>(8.712.350.955)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.16:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(41.402.477.255)	(19.205.329.844)
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(129.846.900)	(129.846.900)
<b>Cộng</b>	<b>(41.532.324.155)</b>	<b>(19.335.176.744)</b>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi tiền vay		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	568.902.136	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vay tiền		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	58.345.999.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mượn tiền		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	22.502.203.411	23.096.899.750

Nhóm công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận bảo lãnh, thế chấp – Xem thêm mục 5.14:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	64.786.000.000	86.583.400.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	181.323.400.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	62.481.000.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	51.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>374.153.400.000</b>	<b>149.064.400.000</b>

Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên có liên quan với giá trị theo biên bản định giá của ngân hàng – Xem thêm mục 5.14.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị của các công ty trong Nhóm công ty	35.000.000	170.734.600
Thu nhập Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác của các công ty trong Nhóm công ty	439.139.500	539.304.200
<b>Cộng</b>	<b>474.139.500</b>	<b>710.038.800</b>

**6.16. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Nhóm công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Nhóm công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Nhóm công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Nhóm công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất;
- + Rủi ro tiền tệ;

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Nhóm công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Nhóm công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Nhóm công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Nhóm công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi số	
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.996.187.503	44.678.752.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.442.142.713	87.471.099.518
Đầu tư ngắn hạn	56.467.972.445	70.292.000.000
Tài sản tài chính khác	68.477.795	68.477.795
<b>Cộng</b>	<b>204.974.780.456</b>	<b>202.510.329.793</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Các khoản vay	997.712.332.185	1.038.426.303.090
Phải trả người bán và phải trả khác	315.598.445.682	554.719.197.181
Chi phí phải trả	9.590.889.554	9.244.150.191
<b>Cộng</b>	<b>1.322.901.667.421</b>	<b>1.602.389.650.462</b>

**Rủi ro tín dụng**

Nhóm công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Nhóm công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Nhóm công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.996.187.503	44.678.752.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.442.142.713	87.471.099.518
<b>Cộng</b>	<b>148.438.330.216</b>	<b>132.149.851.998</b>

Nhóm công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.6 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
 Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Rủi ro thanh khoản**

Nhóm công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	891.483.451.507	315.598.445.682	1.207.081.897.189
Từ 1 – 3 năm	465.000.000	-	465.000.000
Từ 3 – 5 năm	105.763.880.678	-	105.763.880.678
Trên 05 năm	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>997.712.332.185</b>	<b>315.598.445.682</b>	<b>1.313.310.777.867</b>
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	979.396.421.412	554.714.197.181	1.534.110.618.593
Từ 1 – 3 năm	59.029.881.678	5.000.000	59.034.881.678
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>1.038.426.303.090</b>	<b>554.719.197.181</b>	<b>1.593.145.500.271</b>

Nhóm công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Nhóm công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Nhóm công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Rủi ro lãi suất**

Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất cố định	133.709.795.678	111.082.160.000
Theo lãi suất thả nổi	862.787.536.507	889.314.261.412
Không chịu lãi suất	1.215.000.000	38.029.881.678

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Phân tích độ nhạy cảm*

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 7.062.646.335 VND (2015: 5.907.638.874 VND).

*Rủi ro ngoại tệ*

Nhóm công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty. Nhóm công ty chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng tại USD có giá trị lớn. Về vấn đề này, Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và lập kế hoạch mua và bán hàng hóa bằng ngoại tệ trong tương lai, ngoài ra, Nhóm Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>Phải thu thương mại và phải thu khác</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>Cộng</b>
Đô la Mỹ (USD)	128.822,94	11.806,76	140.629,70
Euro (Euro)	-	100,26	100,26
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Đô la Mỹ (USD)	686.928,34	12.703,46	699.631,80
Euro (EUR)	-	100,26	100,26

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>Các khoản vay</b>	<b>Phải trả thương mại và khác</b>	<b>Cộng</b>
Đô la Mỹ (USD)	10.529.633,29	6.860.007,33	17.389.640,62
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Đô la Mỹ (USD)	14.270.735,89	15.258.744,48	29.529.480,37

178  
ÔNG  
TNHH  
QUẢN &  
VIỆT  
P.V.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một,  
Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Phân tích độ nhạy cảm*

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 3.192.576.861 VND (2015: 4.923.865.338 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Nhóm công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối kỳ không phản ánh rủi ro trong suốt kỳ.


**6.17. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**


Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.


**7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 12 tháng 08 năm 2016.



  
NGUYỄN THANH NGHĨA  
Tổng Giám đốc  
Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

  
LÊ NGỌC KHANG  
Kế toán trưởng

  
VÕ THỊ CẨM TÚ  
Người lập

